

Phụ lục XV

Appendix XV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/
CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/COVERED
WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSON**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN/
COMPANY'S NAME/
FULL NAME:
ĐOÀN NGỌC CƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số:...../TB-.....
No:...../TB-.....

TP.HCM, ngày 21 tháng 09 năm 2026
Ho Chi Minh City, September 21th, 2026

BÁO CÁO

**Kết quả giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và
người có liên quan của người nội bộ
REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/COVERED
WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn.

To:

- The State Securities Commission;
- HCMC The Stock Exchange;
- Saigon Cargo Service Corporation.

1. Thông tin về cá nhân/Information on individual conducting the transaction:

- Họ và tên cá nhân/Name of individual: **Đoàn Ngọc Cường**
- Quốc tịch/Nationality: **Việt Nam**
- Thẻ căn cước (đối với cá nhân)/Number of ID card (in case of an individual) :
ngày cấp/Date of Issue , nơi cấp/ Issued by :
- Địa chỉ liên hệ/Contact address:
- Điện thoại/Telephone: Fax: Email:
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:
Thành viên Hội Đồng Quản Trị/ Member of the Board of Directors.

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/Information of internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation executing the transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund): Không có

- Họ và tên người nội bộ/Name of internal person:
- Quốc tịch/Nationality:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ID card/Passport No.:

- Địa chỉ thường trú/Permanent address:
- Điện thoại liên hệ/Telephone: Fax: Email:
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/Current position in the public company, the fund management company:
- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person:
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held by the internal person (if any):

3. Mã chứng khoán giao dịch/Securities code: **SCS**

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/Underlying securities code (for covered warrants):

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3/Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants mentioned at item 3 above: tại Công ty Chứng khoán

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held before the transaction: **1.796.466 cổ phiếu/shares tương ứng/ equal to 1,87%.**

Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm */Number, ownership percentage of underlying securities (which are mentioned at item 3) held before executing the covered warrants *:

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi/Number of shares/ fund certificates/ covered warrants registered to purchase/ sale/ present/ be presented/ donate/ be donated/ inherit/transfer/be transferred/swap:

- Loại giao dịch đăng ký (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/ hoán đổi)/ Type of transaction registered (to purchase/ sell/ present/ be presented/ donate/ be donated/ inherit/ transfer/ be transferred/swap): **Mua/Buy**

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/ Number of shares/fund certificates/covered warrants registered for trading: **500.000 cổ phiếu/shares tương ứng/ equal to 0,52%.**

7. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/ hoán đổi)/ Number of shares/ fund certificates/ covered warrants being traded (purchase/ sell/ present/ be present/ donate/ be donated/ inherit/ transfer/ be transferred/swap).

- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/ hoán đổi)/ Type of transaction executed (to purchase/ sell/ present/ be presented/ donate/ be donated/ inherit/ transfer/ be transferred/swap): **Mua/Buy**

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch/ Number of shares/ fund certificates/ covered warrants traded: **457.000 cổ phiếu/shares tương ứng/ equal to 0,48%.**

8. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá)/The value of executed transaction (calculated based on par value): **4.570.000.000 VNĐ**

Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) đã giao dịch/Value of covered warrants traded (at the latest issuing price):

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ Number and ownership percentage of shares/ fund certificates/ covered warrants expected to hold after the transaction: **2.253.466 cổ phiếu /shares, tương ứng/equal to 2,35%.**

Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch và người có liên quan/Number, ownership percentage of shares/ fund certificates/ covered warrants after the transaction of the executor and affiliated person: Không có

10. Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm
*/Number, ownership percentage of underlying securities held after trading the covered warrants *:

11. Phương thức giao dịch/Method of transaction: **Thỏa thuận và khớp lệnh/ Order matching and put through.**

12. Thời gian thực hiện giao dịch/trading time: từ ngày/from **18/08/2026** đến ngày/ to **16/09/2026**

13. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký)/The reason for not completing the transaction (in case all of the registered amount not being executed): *Giá chưa như kỳ vọng/ The price is not as expected .*

*: Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày báo cáo kết quả giao dịch/Number, ownership percentage of underlying securities held on the day of reporting the transaction results

Nơi nhận:

Recipients:

-.....

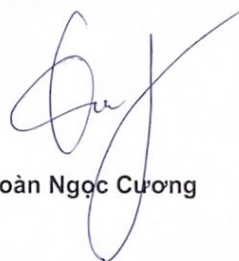
-Lưu:VT,....

-Archived:....

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

(Signature, full name and seal -if any)



Đoàn Ngọc Cường